

SỐNG TRONG BÍ TÍCH THÁNH THỂ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN PHÚ LỢI^(*)

1. Quan điểm của Giáo hội Công giáo về Bí tích Thánh Thể

Bí tích *Thánh Thể* hay *phép Thánh Thể* được gọi với rất nhiều danh xưng khác nhau, như phép *Mình Thánh Chúa*, *Mình Máu Chúa*, *lễ Misa (Thánh lễ)*, *lễ Tạ ơn*, *Bữa tiệc của Chúa*, *Bữa Tiệc li*, *Việc Bẻ bánh*, *lễ Hi sinh Thánh thiêng*, *lễ Hi tế* hay *Bánh các thiên thần*, các hệ phái đạo Tin Lành gọi là *Tiệc Thánh* hay *Bữa tối của Chúa*, là một trong những bí tích khai tâm⁽¹⁾, giữ vị trí quan trọng nhất của đời sống đức tin Công giáo.

Theo quan điểm thần học, Bí tích Thánh Thể được xem là trung tâm của đời sống đức tin, là mạch nguồn và là chót đỉnh của phụng tự Kitô giáo. Nó chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Giáo hội về Chúa Kitô, Người là Chiên Vượt qua, bánh hằng sống ban sự sống đức tin cho nhân loại. Nói cách khác, đây là bí tích giữ vị trí trung tâm và quan trọng nhất của đời sống đạo và phụng tự Kitô giáo mà các bí tích khác, cũng như mọi hoạt động sinh hoạt tôn giáo của người Công giáo đều quy hướng về bí tích này. Điều 897 Giáo luật năm 1983 xác định: “Bí tích cao trọng nhất là Bí tích Thánh Thể, trong đó chính Chúa Kitô hiện diện, được dâng hiến và trở

nên lương thực, và nhờ đó mà Giáo hội tiếp tục sống và tăng trưởng. Hiến tế Thánh Thể tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa, là nơi Hiến tế Thập giá được tiếp diễn đến muôn đời, là chóp đỉnh và nguồn mạch của tất cả việc thờ phượng và đời sống Kitô giáo; nhờ Hiến tế Thánh Thể, sự hiệp nhất của dân Chúa được biểu lộ và được thực hiện, và việc xây dựng Thân Mình Đức Kitô được hoàn tất. Thật vậy, các bí tích khác và tất cả các hoạt động tông đồ của Giáo hội đều liên kết mật thiết với Bí tích Thánh Thể và quy hướng về Bí tích Thánh Thể⁽²⁾.”

Bí tích Thánh Thể thể hiện bốn chiều kích thần học về đời sống đức tin Kitô giáo. Trước hết, Bí tích Thánh Thể chỉ sự hiện diện của Chúa Kitô. Đây là bí tích do Chúa Giêsu thiết lập trong bữa “Tiệc li” và truyền lại cho Giáo hội tiếp tục

*. TS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Theo quan điểm thần học Công giáo, các phép bí tích chia làm ba loại: Các bí tích *khai tâm*, gồm Bí tích Rửa tội, Bí tích Thêm sức và Bí tích Thánh Thể; Các bí tích *hòa giải* hay *chữa lành*, gồm Bí tích Giải tội và Bí tích Xức dầu; Các bí tích *phục vụ cộng đoàn*, gồm Bí tích Truyền chức thánh và Bí tích Hôn phối.

2. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 293-294.

thực hiện để con người được thông công với Thiên Chúa nhằm cứu rỗi linh hồn. Qua nghi lễ truyền phép của linh mục, bánh và rượu trở thành Mình và Máu thánh. Khi linh nhận của lễ đó, Chúa Giêsu sẽ hiện diện một cách hoàn toàn nơi tín hữu, làm thành lương thực hằng sống, giúp họ tăng trưởng trên đường lữ hành đức tin.

Mặt khác, đây là bí tích của Hi lễ mà Đức Giêsu dâng lên Thiên Chúa trên thập giá. Hi lễ ấy được dâng lên một lần, được Chúa Cha chấp nhận như của lễ hòa giải nhân loại mà không cần và không thể phải lặp lại nữa. Nhờ Thánh thể, Giáo hội và các tín hữu có thể tham dự vào Hi lễ đó để tưởng niệm cuộc tử nạn của Chúa Giêsu trên thập giá và sự phục sinh vinh hiển của Ngài. Bởi vì, Chúa Giêsu vâng lệnh Chúa Cha kí với loài người một giao ước mới bằng chính Mình và Máu của mình. Trong đó, loài người dâng lên Thiên Chúa một lễ vật hi sinh, không phải bằng chiên bò mà bằng chính bản thân Chúa Giêsu tự hiến làm lễ vật dâng lên Thiên Chúa thay cho nhân loại. Vì thế, mỗi khi cử hành Thánh Thể, Giáo hội nhắc lại và hiện tại hóa Hi lễ của Chúa Giêsu dâng mình làm vật hi sinh cho Thiên Chúa thay cho nhân loại. Người Công giáo tin rằng, mỗi khi chịu phép Thánh Thể, Chúa Giêsu chịu chết và sống lại một lần nữa, làm cho hiến tế của Ngài được hiện tại hóa và nhờ đó các tín hữu được thông hiệp hồng ân cứu chuộc của Người. Tục hiến tế (hiến sinh) súc vật, lấy máu làm lễ vật tế thần để con người giao tiếp với thần là tư tưởng phổ biến của các tôn giáo, nhất là Do Thái giáo và các tôn giáo Phương Đông. Đạo Kitô đã tiếp thu

tư tưởng này và nâng lên trên một tầm cao mới bằng việc Chúa Giêsu tự hiến tế bản thân mình biến thành Mình và Máu Thánh dâng lên Thiên Chúa thay cho nhân loại mà không cần và không thể thực hiện lại nữa. Đó là một tư tưởng mang tính nhân văn, nhân đạo cao cả, là một bước tiến của nhân loại, vì con người không cần phải hiến tế súc vật, thậm chí cả con người cho Chúa (hay thần linh) nữa, mà chỉ bằng bánh và rượu mà thôi⁽³⁾. Ph. Ăngghen cho rằng: “Tư tưởng đặc thù của Cơ Đốc giáo (về thực chất nó cũng biến Cơ Đốc giáo thành một tôn giáo phổ biến) chính là ở chỗ, cái chết của Kitô là một đồ tế thần vĩ đại, một khi đem dâng cúng rồi thì có sức mạnh vĩnh cửu”⁽⁴⁾.

Hơn nữa, Thánh Thể còn là bí tích hiệp nhất của Giáo hội. Nhờ kết hiệp với Chúa Kitô, các tín hữu được hiệp thông với Thiên Chúa và họ liên kết với nhau. Mỗi khi cử hành Thánh Thể, tất cả các tín hữu không phân biệt giới tính, tuổi tác, màu da, dân tộc, thành phần xã hội đều nhận nhau như anh em một gia đình, bởi họ cùng tuyên xưng một đức tin, cùng có chung một niềm hi vọng và một tình thương.

Cuối cùng, Bí tích Thánh Thể được xem là trung tâm của phụng tự và mọi hoạt động của Kitô giáo, vì nó là nguồn sinh lực ơn thánh của Giáo hội. Nguồn sinh lực ơn cứu độ của Giáo hội xuất

3. Điều này lí giải tại sao trước Công đồng Vatican II với nỗ lực quy Giáo hội theo quan điểm ngoài Giáo hội không có ơn cứu rỗi, Giáo hội cấm giáo dân không được tham gia cúng giỗ, hội làng, coi đó là mê tín, dị đoan và không được ăn của cúng tế.

4. C. Mác, Ph. Ăngghen Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tập 21, tr. 22.

phát từ Hi lễ Vượt qua⁽⁵⁾ của Chúa Giêsu. Do đó, mọi hoạt động của Giáo hội đều quy hướng về bí tích này mới đạt được mục tiêu kết hiệp với Thiên Chúa để được cứu rỗi linh hồn.

Được xem là trung tâm của đời sống Kitô giáo, bởi vì các bí tích khác đều rút tĩa ý nghĩa và nhận mục đích của chúng từ mối tương quan với Thánh Thể làm cho các Kitô hữu cử hành bí tích này một cách trọn vẹn hơn. Bí tích Thánh Thể là sự quy tụ và cử hành của Nhiệm thể Chúa Kitô. Đó là việc cử hành sự hiện diện của Chúa Kitô với cộng đoàn đang tưởng niệm cái chết và sự sống lại của Người, là trung tâm diễn tả Giáo hội một cách trọn vẹn. Trong Bí tích Thánh Thể, các Kitô hữu tìm thấy tiêu điểm để phối kết mọi biểu tượng về mẫu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô thành sự diễn tả đức tin và sự cử hành của cộng đoàn. Qua sự công bố và nghe lời Chúa, qua việc bẻ bánh và chúc phúc cho chén rượu, sự hiện diện của Đức Kitô được nhận ra. Với tặng phẩm đơn giản là bánh và rượu, Giáo hội cử hành một bữa ăn tạ ơn trong đó sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa nơi Đức Kitô được tưởng niệm và công bố vừa là hồng ân ban cho hiện tại vừa là cơ sở của niềm hi vọng tương lai. Đây là bữa ăn trong đó các Kitô hữu cử hành sự hiệp thông của họ với Thiên Chúa trong Đức Kitô và với nhau⁽⁶⁾.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt như vậy, nên Giáo hội đặt trọng tâm phụng tự vào Bí tích Thánh thể. Trong đó, trung tâm là thánh lễ (còn gọi là lễ Missa) được thực hiện vào ngày Chủ nhật hằng tuần, ngày lễ trọng. Cơ cấu của Thánh lễ Missa gồm hai phần: cử hành lời Chúa (đọc sách thánh, cầu nguyện, hát

thánh ca và nghe giảng kinh) và cử hành Thánh Thể (hiến lễ và hiệp lễ, trao và rước lễ). Giáo hội cho rằng, phép Thánh Thể là quyền lợi và là trách nhiệm của mọi tín hữu. Là quyền lợi, bởi vì chỉ có những người đã chịu phép rửa tội và duy trì sự hiệp thông với Giáo hội mới có quyền tham dự thánh lễ. Không chỉ người ngoại đạo mà cả các giáo dân dự tòng và những người mắc trọng tội công khai (vạ tuyệt thông) cũng không được tham dự thánh lễ. Là nghĩa vụ, bởi nó nhằm duy trì đời sống thiêng liêng của giáo dân. Do đó, Giáo hội buộc các tín hữu phải tham dự thánh lễ ít nhất mỗi tuần một lần vào ngày Chủ nhật. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện và truyền thống mỗi địa phương mà các đáng bản quyền (giám mục giáo phận) có thể quy định tổ chức thánh lễ vào chiều ngày thứ Bảy trong tuần.

Theo quy định của giáo luật, mỗi năm mỗi tín đồ ít nhất phải xưng tội chịu lễ một lần. Người Công giáo sau khi đã xưng tội chịu lễ lần đầu (khoảng 6-7 tuổi), mỗi năm ít nhất phải xưng tội chịu lễ một lần. Ngoài ra, phép Thánh Thể còn thực hiện đối với nghi lễ rửa tội cho người lớn, lễ hôn phối (phép cưới), lễ phong bổ chức thánh, lễ xức dầu bệnh

5. Lễ Vượt qua xuất phát từ Cựu Ước để kỉ niệm Chúa giải thoát người Do Thái khỏi Ai Cập. Muốn được giải thoát, họ phải sát tế một con cừu hay một con dê non không tì vết, không dập gãy xương và lấy máu bôi lên cửa nhà mình vào đêm trước khi Chúa đi qua. Trong Tân Ước, lễ Vượt qua là bữa ăn cuối cùng của Chúa Giêsu Kitô với các môn đệ để lập nên Bí tích Thánh Thể và chúc từ tế. Giáo hội thời sơ khai coi thứ Sáu Tuần Thánh là lễ Vượt qua của Chúa Giêsu Kitô. Ngày Phục sinh được gọi là lễ Vượt qua của Chúa Kitô sống lại.

6. Thomasp Rausch. S. J. *Dẫn vào thần học*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008, tr. 294-295.

nhân lúc lâm chung. Hơn nữa, Giáo hội còn đưa ra các hình thức tôn sùng khác, như châu Minh Thánh, kiệu Thánh Thể (Santi), đại hội Thánh Thể. Như vậy, nói đến phụng tự và đời sống tôn giáo của các tín đồ Công giáo, trước hết và chủ yếu là việc thực hành Bí tích Thánh Thể.

2. Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam qua việc thực hành Bí tích Thánh Thể

Lối sống đạo của người Công giáo được hình thành dựa trên nền tảng tín lí của Công giáo và bị chi phối bởi lối sống, phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Đó là việc thực hành các lễ nghi Công giáo và cách ứng xử của giáo dân trong đời sống được biểu hiện qua các mối quan hệ với gia đình và cộng đồng, là “toàn bộ những ứng xử đối với đời sống tâm linh và xã hội được hình thành trong tiến trình lịch sử truyền giáo, phát triển Công giáo vào Việt Nam dựa trên nền tảng của Kinh Thánh, của triết lí Công giáo, giáo luật, giới răn và bị chi phối bởi lối sống, phong tục tập quán và tâm linh tôn giáo-văn hóa truyền thống của người Việt”⁽⁷⁾.

Nếp sống đạo của người Công giáo được hình thành chủ yếu thông qua việc giáo dân thông dự vào Bí tích Thánh Thể. Bởi vì, việc thực hành bí tích Thánh Thể không đơn thuần chỉ là sự trao ban, lãnh nhận bánh và rượu thánh mà nó bao hàm nhiều hoạt động sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, từ đọc kinh cầu nguyện, đọc và nghe sách thánh qua bài giảng, hát thánh ca, đến việc suy niệm, sùng kính và tôn vinh Minh Thánh Chúa; từ thống hối nhận lỗi đến hãm mình chuộc tội để được nhận hồng ân cứu chuộc của

Chúa. Vì vậy, tham dự vào Bí tích Thánh Thể đồng nghĩa với việc người giáo dân phải tham dự thánh lễ ngày, lễ trọng (lễ buộc), lễ Chủ nhật và các dịp quan trọng khác liên quan đến các nghi lễ vòng đời người (lễ Thêm sức, Hôn phối, Xức dầu), lễ phong bỏ chức vị đạo, lễ cung hiến nhà thờ và việc sùng kính Thánh Thể. Trong đó, trọng tâm là việc giáo dân thông dự vào thánh lễ ngày lễ trọng và ngày Chủ nhật.

Lễ trọng (lễ lớn), là lễ đặc biệt để kỉ niệm những sự kiện lớn liên quan đến cuộc đời Chúa Giêsu. Giáo hội buộc các tín đồ phải nghỉ việc xác để tham gia nên còn gọi là *lễ buộc*. Giáo hội quy định mỗi năm có 6 ngày lễ trọng kiêng việc xác mà giáo dân phải tuân giữ, gồm lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh, lễ Chúa Đức Chúa Giêsu lên trời, lễ Đức Mẹ hồn và xác lên trời, lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống và lễ các Thánh. Trong đó, có hai lễ trọng đặc biệt là lễ Giáng sinh và Phục sinh kéo dài trong tám ngày liên tục.

Tham dự lễ trọng một cách đầy đủ và sốt sắng đã trở thành nếp sống đạo của người giáo dân Việt Nam ngay từ buổi đầu truyền giáo. Giáo sĩ Alecxandre De Rhodes (Đắc Lộ) cho biết, vào dịp lễ Phục sinh, lễ Giáng sinh giáo dân phải đi bộ hàng ngày đường để đến những nơi có cơ sở thờ tự và có giáo sĩ để tham dự thánh lễ. Đặc biệt vào ngày lễ trọng, giáo dân tham dự rất đông, lòng nhà thờ hẹp không đủ chỗ nên nhiều người phải lễ “vọng” ở ngoài. Vào thế kỉ XVIII-XIX,

7. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 287-288.

mặc dù gặp nhiều khó khăn do chính sách cấm đạo của các nhà nước phong kiến, song giáo dân vẫn tích cực tham gia khá đầy đủ các buổi lễ trọng, nhất là lễ Phục sinh và lễ Giáng sinh. Trong báo cáo ngày 12-5-1791, thừa sai Eyot cho biết lễ mừng Phục sinh được tổ chức trọng thể, nhà thờ được trang hoàng long lộng lẫy. Thứ Năm Tuần Thánh có “đi kiệu ở nơi đã được chuẩn bị để giữ Minh Thánh Chúa tới hôm sau. Tất cả các làng Công giáo trong huyện đều tới dự cuộc lễ, người ta chia phân cho mỗi làng một giờ châu; vì quá đông nên có lúc hai ba làng một giờ châu. Họ tới nơi châu vừa đi vừa hát những bài hát Thánh Thể⁽⁸⁾. Năm 1809, bề trên địa phận Tây Đàng Ngoài ra thư chung quy định những người có điều kiện buộc phải “nghỉ việc xác” để tham gia đầy đủ các ngày lễ trọng, còn những “kẻ khó khăn thì buộc phải giữ một năm 4 ngày, là ngày lễ Sinh nhật, lễ Phục sinh, lễ Hiện xuống, lễ Đức Bà hồn và xác lên trời⁽⁹⁾. Đầu thế kỷ XIX, tuần thánh được tổ chức như ở Châu Âu. Trong thư ngày 3-6-1810, thừa sai Tesier ở địa phận Tây Đàng Ngoài cho biết: “Chúng tôi tổ chức các thánh lễ trọng thể, tổ chức các cuộc rước kiệu và các tuần tĩnh tâm như ở Châu Âu. Mùa Chay năm nay, tôi tổ chức một cuộc tĩnh tâm làm nhiều người phải rơi lệ. Tôi tính chỉ tổ chức cho một vài giáo họ nghèo ở một nơi chật hẹp; nhưng nhiều giáo hữu các nơi khác kéo đến, làm cho mọi người hết sức lúng túng. Nhà thờ thì chật, nên người ta phải dựng rạp chung quanh⁽¹⁰⁾”.

Ngày nay, việc tham dự một cách đầy đủ thánh lễ vào ngày lễ trọng vẫn được duy trì nơi người giáo dân. Qua điều tra tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và

một số tỉnh Miền Bắc cho thấy, có 98,65% số giáo dân hằng năm tham gia các thánh lễ ngày lễ trọng, trong đó có 87,3% tham dự một cách đầy đủ và chỉ có 1,3% không tham dự thánh lễ dịp lễ trọng⁽¹¹⁾. Điều đó cho thấy, giáo dân Việt Nam tuân thủ khá nghiêm quy định của Giáo hội.

Ngoài lễ trọng (lễ buộc), giáo dân còn phải tham gia thánh lễ ngày Chủ nhật. Ngày này, Giáo hội mừng mầu nhiệm vượt qua (mầu nhiệm Phục sinh-mừng Chúa Giêsu sống lại). Vì vậy, ngày Chủ nhật được xem là ngày của Chúa, ngày thứ nhất trong tuần, ngày tưởng niệm Chúa Giêsu sống lại. Do đó, Chủ nhật là ngày lễ quan trọng nhất, “là nền tảng và trung tâm của cả năm phụng vụ⁽¹²⁾”. Như đã trình bày, cơ cấu thánh lễ gồm hai phần: phụng vụ lời Chúa và phụng vụ

8. Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008, tập I, tr. 492.

9. *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, Nhà in Kẻ Sở, 1908, tr. 346.

10. Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập II, tr. 37.

11. Nguyễn Hồng Dương. *Nghỉ lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 303.

12. *Hiến chế Phụng vụ* của Công đồng Vatican II chỉ rõ: “Theo tông truyền bắt nguồn từ chính ngày Chúa Kitô sống lại, Giáo hội cử hành mầu nhiệm phục sinh vào mỗi ngày thứ tám, ngày thật đáng gọi là ngày của Chúa hay ngày Chúa Nhật. Trong ngày đó, các Kitô hữu phải họp nhau lại để nghe lời Chúa và tham dự Lễ Tạ Ơn, để kính nhớ cuộc thương khó, sự sống lại và vinh quang của Chúa Giêsu, đồng thời cảm tạ Thiên Chúa, vì Ngài đã dùng sự Phục sinh của Chúa Giêsu từ trong kẻ chết sống lại mà tái sinh họ trong niềm hi vọng sống động. Vì vậy, ngày Chúa Nhật là ngày lễ độc đáo phải được đề cao và in sâu vào lòng đạo đức của các tín hữu để ngày ấy trở thành ngày vui mừng và ngày nghỉ việc. Các cuộc lễ khác, nếu không thực sự là lễ rất quan trọng thì không được lấn át ngày Chúa Nhật, bởi vì ngày Chúa Nhật là nền tảng và trung tâm của cả năm phụng vụ”. *Công đồng chung Vatican II*, Phân khoa Thần học Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X, Đà Lạt, 1972, tr. 103-104.

Thánh Thể. Tuy nhiên, nếu không có linh mục dâng lễ thì chỉ có phụng vụ lời Chúa mà không có phụng vụ Thánh Thể. Điều này diễn ra phổ biến ở Công giáo Việt Nam vì luôn trong điều kiện thiếu linh mục. Nếu không có linh mục để dâng lễ, Giáo hội khuyến khích giáo dân nên họp nhau vào ngày Chủ nhật tại nhà thờ hay tại tư gia để cầu nguyện và cử hành Lời Chúa, xem đó như nghi lễ bắt buộc. Việc giáo dân họp nhau cầu nguyện vào ngày Chủ nhật nhằm giúp họ hiểu rõ ý nghĩa của ngày đó, là ngày thánh hóa, ngày tưởng niệm việc Chúa Giêsu Kitô sống lại, ngày đại lễ. Đó cũng là ngày giáo dân gặp gỡ nhau cùng tuyên xưng đức tin, củng cố lòng đạo và cố kết cộng đoàn.

Ngay từ thời giáo sĩ Đắc Lộ, giáo dân đã có thói quen họp nhau vào ngày Chủ nhật ở nhà thờ hay ở một gia đình nào đó để đọc kinh cầu nguyện chung dù có linh mục hay không có linh mục. Trong *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Đắc Lộ viết: “Trong thời gian bắt bớ cấm giáo dân hội nhau trong nhà thờ, nhưng họ không bỏ hội nhau vào những ngày Chủ nhật và ngày lễ trong nhà tư. Trong kinh thành, họ chia nhau thành sáu toán với những khu phố và nhà nào được chỉ định để hội họp nhau vào giờ nào để đọc kinh cầu nguyện và làm các việc đạo đức”⁽¹³⁾. Ở những họ đạo “xa nhà xứ hay chỗ linh mục ở, các ngày Chủ nhật, lễ lạy, họ hội nhau ở nhà thờ họ, đọc kinh, học bốn, nghe sách. Còn vùng gần nhà thờ xứ hay nghe biết có thừa sai đến thăm viếng họ trong vùng là họ kéo nhau lũ lượt đến dự lễ, cả những người ở xa đến 4, 5 tiếng đồng hồ và có khi gần một ngày đường”⁽¹⁴⁾.

Việc đọc Kinh chung ở nhà thờ hay ở tư gia vào ngày cuối tuần được quy định rõ trong hương ước một số làng Công giáo. Để cho giáo dân dễ nhớ, hương ước làng Tăng Bồng (Tân Lập, Vũ Thư, Thái Bình) đã diễn nôm ngày thánh lễ đó như sau:

“Thứ Bảy nhất lễ đạo ta,

Cùng bao ngày khác đà ra.

Chỉ truyền nên khuyến nam nữ chư viên,

Sớm khuya ngày ấy phải siêng đó mà,

Trừ cho một kẻ coi nhà,

Còn bao tận suất phải ra nhà thờ,

Đọc kinh cầu nguyện phụng thờ,

Kêu xin Chúa cả để nhờ ơn doanh (riêng),

Bằng ai lơ lảnh khoán liền bắt ngay”⁽¹⁵⁾.

Ngày nay, tập tục ấy vẫn được duy trì phổ biến nơi người Công giáo và trở thành một nếp sống đạo của giáo dân Việt Nam. Kết quả điều tra cho thấy, có 92,1% giáo dân thường xuyên tham dự thánh lễ ở nhà thờ vào ngày Chủ nhật⁽¹⁶⁾.

Giáo luật chỉ yêu cầu tối thiểu giáo dân tham dự thánh lễ mỗi tuần một lần vào ngày Chủ nhật, ngày kính nhớ Chúa Kitô phục sinh. Song đã từ lâu, người giáo dân Việt Nam lại có thói quen tham dự thánh lễ hằng ngày ở nhà thờ hoặc ở nhà riêng. Tập tục đọc Kinh chung để

13. Alexandre De Rhodes. *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Tủ sách Đại kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 140.

14. Nguyễn Hồng. *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, Hiện tại, Sài Gòn, 1959, tr. 226.

15. Hương ước làng Tăng Bồng, tổng Thuận Vi, huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình, lập năm 1908.

16. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 306.

được nhận lấy nguồn sinh lực thiêng liêng, hồng ân của Chúa của người giáo dân Việt Nam đã có ngay từ buổi đầu truyền giáo. Từ thời các thừa sai dòng Tên vào thế kỉ XVII, giáo dân “đã có tập quán đọc Kinh sáng, tối trong gia đình và hội họp nhau đọc kinh, bốn trong nhà thờ, ngày Chúa nhật và lễ trọng, khi có linh mục cũng như không có linh mục”⁽¹⁷⁾. Trong báo cáo ngày 14/4/1658, thừa sai Tissanier cho biết, giáo dân ở Đàng Ngoài có thói quen “đọc Kinh sáng tối trong gia đình; mỗi nhà thờ có một thầy giảng hay một giáo hữu kì cựu để ngày Chúa nhật đọc sách và giải thích mầu nhiệm của đạo cho giáo hữu; trong ba ngày cuối cùng của tuần Thánh người ta ngắm các sự thương khó của Chúa do thừa sai Alexandre de Rhodes đã soạn thảo bằng tiếng bản quốc”⁽¹⁸⁾. Hiện nay, giáo dân vẫn có thói quen đọc Kinh cầu nguyện ở nhà thờ hằng ngày. Qua điều tra có 56,1% giáo dân thường xuyên đọc kinh cầu nguyện ở nhà thờ hằng ngày⁽¹⁹⁾.

Xưng tội, chịu lễ là điều quan trọng mà giáo luật buộc giáo dân phải thực hiện ít nhất một năm một lần vào Mùa Chay. Nhưng người giáo dân Việt Nam lại rất chịu khó xưng tội, chịu lễ có thể quanh năm mỗi khi có linh mục làm lễ, nhất là vào “những dịp lễ lớn như Sinh Nhật, Phục Sinh, Lên Trời, Hiện Xuống, thì dù xa đến đâu họ cũng cố đến nhà xứ chỗ thừa sai ở để xưng tội chịu lễ”⁽²⁰⁾. Ngay từ thời giáo sĩ Đắc Lộ, giáo dân ở Đàng Ngoài đã rất sốt sắng linh nhận các bí tích, xưng tội chịu lễ. Vào dịp tổ chức lễ Lá cuối Mùa Chay: “Mọi người đều xưng tội rất sốt sắng, nhưng tất cả không được rước vì thiếu bánh Thánh”⁽²¹⁾.

Hương ước của một số làng Công giáo cũng có những điều khoản quy định rõ việc giáo dân từ 7 hoặc 8 tuổi trở lên mỗi năm ít nhất phải xưng tội chịu lễ một lần, nhất là vào dịp các linh mục đến làm phúc, nếu ai không tuân thủ sẽ bị làng bắt khoán. Hương ước làng Đông Châu (Quỳnh Ngọc, Quỳnh Phụ, Thái Bình) quy định: “Mỗi năm hai kì làm phúc, từ 7 tuổi trở lên phải xưng tội cả, ai bỏ kì vụ trai (Mùa Chay) thì bắt 3 tiền, bỏ kì tháng Rôsa thì bắt 1 tiền rưỡi”⁽²²⁾. Hương ước thôn Triệu (Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định) ghi rõ: “Trong giáo tộc (tức họ đạo) bất kể nam phụ lão ấu, phàm từ 8 tuổi trở lên đều phải tuân thủ giáo pháp, mỗi năm một lần cáo đến xin tẩy giải oan khiên, nếu người nào liên tiếp các năm tháng không tuân theo giáo lệnh, huynh thứ bắt phạt tiền 3 quan, hạng thứ dân thì phạt 1 quan 8 mạch, cho phép tự sửa chữa”⁽²³⁾. Hương ước làng Gia Lô (Vạn Tân, Mê Linh, Vĩnh Phúc) quy định: “Ai trong họ (đạo) cũng phải xưng tội, chịu lễ ít là một năm một lần, nếu có ai bỏ qua một năm thì người chức dịch trong họ (đạo) phải khuyên bảo kẻ ấy. Nếu kẻ ấy chẳng vâng theo phép thánh thì coi như đã di xa (bỏ đạo). Làm vậy thì phải thưa

17. Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, sdd, tập I, tr. 194.

18. Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, sdd, tập I, tr. 164.

19. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 306.

20. Nguyễn Hồng. *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, Sdd, tr. 226.

21. Alexandre De Rhodes. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Sdd, tr. 131.

22. Hương ước làng Đông Châu, tổng Đồng Trục, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, lập năm 1910.

23. Hương ước thôn Triệu, xã Thám Thanh, tổng Hiền Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, lập năm 1887.

đến thấy cả (tức linh mục) cho người liệu⁽²⁴⁾. Điều 3 hương ước làng Ngọc Đồng (Kim Thi, Hưng Yên) ghi: “Tội là sự rất nặng đáng phải ghét và tránh cho hết sức, cho nên mỗi năm đến kì làm phúc, chẳng kì đàn ông, đàn bà, con trai, con gái từ 7 tuổi trở lên phải đến nhà thờ thông công cấm phòng cho được lọn mình xưng tội cả thay thay. Nhược bằng kẻ nào trễ nải quá kì không đến, lần thứ nhất bắt khoán 3 tiền, lần thứ hai 6 quan tiền cùng đánh đòn 30 roi, bằng kẻ đàn anh thì bắt xử phạt (mỗi lần 7 ngày). Lại kẻ nào phương trở việc gì cần, chưa xưng tội được thì phải có trầu trình với ông trùm kêu cho. Còn những kẻ nghèo khó mà bỏ mỗi lần đánh đòn 20 roi⁽²⁵⁾. Có thể nói, việc “luật tục hóa” những quy định của giáo luật vào hương ước của làng xã làm cho việc sinh hoạt tôn giáo của giáo dân càng đi vào nền nếp hơn, nhất là việc xưng tội chịu lễ. Ở nhiều xứ, họ đạo giáo dân không chỉ xưng tội chịu lễ vào Mùa Chay, ngày Chủ nhật hay lễ trọng mà còn thực hiện một cách thường xuyên trong năm.

Do điều kiện luôn trong tình trạng thiếu linh mục dâng lễ, nên ngay từ buổi đầu truyền giáo, hàng năm các thừa sai phải thay phiên nhau về các xứ, họ đạo cho giáo dân xưng tội, chịu lễ, cử hành thánh lễ gọi là *kì làm phúc*. Vào thời các giáo sĩ dòng Tên, hàng năm các thừa sai dành một khoảng thời gian từ tháng Chín năm trước đến tháng Tư năm sau để về các xứ, họ đạo xa làm phúc. Trong các dịp này, ban ngày các thừa sai cử hành thánh lễ, thăm hỏi giáo dân, còn suốt đêm phải ngồi tòa giải tội. Thừa sai Juan de Santa Cruz (có tên Việt là Thập), địa phận Đông Đàng Ngoài cho biết: “Trong

kì làm phúc có đông bốn đạo đến xưng tội, thì ngày nào chúng tôi cũng đọc năm chục kinh lần hạt và ngắm nửa giờ vuối anh em và bốn đạo. Giót Mùa Chay, tôi phải ngồi giải tội thâu đêm⁽²⁶⁾. Kì làm phúc đã trở thành một nếp sống và thực sự là một lễ hội của các xứ, họ đạo - làng Công giáo. Các giáo phận đều có quy định, mỗi giáo sĩ một năm ít nhất hai lần phải về các xứ, họ đạo xa để làm phúc. Hương ước một số làng quy định rõ, vào dịp này, giáo dân từ 7, 8 tuổi trở lên phải đến nhà thờ tham dự thánh lễ, xưng tội, chịu lễ, ai không tham dự mà không có lí do chính đáng sẽ bị phạt. Hương ước làng Bắc Trạch (Vân Trường, Tiên Hải, Thái Bình) quy định: “Một năm hai lần định kì làm phúc thì trong họ hết mọi người nam nữ phải siêng năng tới sớm các giờ đến nhà Dụ thông công đón mệnh xưng khách chịu lễ, nếu ai không mắc hạn chở những việc không cần, hay là đi vắng xa lâu ngày mà bỏ một lần, quan viên thì bắt 2 quan, dân hạng thì bắt 1 quan đánh đòn 10 roi. Bằng ai bỏ luật cả năm thì bắt gấp hai, lại rao tên những kẻ khô khan làm vậy trong nhà Dụ để kẻ răn dũa bắt sửa thói dữ ý ấy, trừ thói đồng nhi vì đã có khoán lệ doanh (riêng)”⁽²⁷⁾.

Sốt sáng tham gia xưng tội, chịu lễ là một nếp sống đạo của giáo dân vẫn được duy trì đến nay. Tuy nhiên, để được rước lễ, giáo dân phải chuẩn bị cả về đức tin, luân lí và thể xác. Nếu có tội, họ phải

24. Hương ước làng Gia Lô, tổng Lạc Tân, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên, lập năm 1887.

25. Hương ước làng Ngọc Đồng (Ngọc Đường), huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên, lập năm 1938.

26. Manuel Moreno. *Sử kí Địa phận Trung*, In tại Phú Nhai đường, 1916, tr. 20.

27. Hương ước làng Bắc Trạch, tổng Cao Mại, huyện Trực Định, tỉnh Thái Bình, lập năm 1910.

xưng tội và ăn năn chuộc tội mới được rước lễ. Qua điều tra cho thấy, có 63,75% giáo dân chịu lễ hằng ngày và hằng tuần. Giáo dân tham gia thánh lễ hằng ngày và chịu lễ hằng ngày là 29,5%. Số giáo dân xưng tội mỗi năm một lần và một năm vài lần chiếm 73,05%⁽²⁸⁾. Điều này là phù hợp với giáo luật buộc giáo dân mỗi năm xưng tội chịu lễ một lần.

Giáo dân Việt Nam còn có thói quen sùng kính Minh Thánh Chúa Giêsu. Trước hết, họ có tập quán *chầu Minh Thánh Chúa* và ngắm dâng Thánh giá vào ngày thánh lễ cuối tuần, ngày lễ trọng. Tập quán này có từ thế kỉ XVII dưới thời các giáo sĩ dòng Tên và dòng Đa Minh. Thừa sai Cruz (Thập) địa phận Đông Đàng Ngoài cho biết: “Tự khi mới nhận xứ này, thì tôi dạy dỗ bốn đạo đọc kinh các ngày tuần lễ Thánh cách trọng thể. Vậy ngày thứ Năm truyền phép, tôi đặt Minh Thánh nơi kín như thời Thánh Yghêrixa (giáo hội) quen làm trong ngày ấy, rồi chầu Minh Thánh đủ 24 giờ cách nghiêm trang sốt sắng lắm, bốn đạo đến chầu đông lắm, cho nên 24 giờ ấy, hằng có người vừa đọc kinh lẫn hát vừa nguyện ngắm trong nhà thờ liên; đến giờ thứ ba chiều hôm làm lễ rửa chân, rồi đến tối thì ngắm đứng đủ ba ngày”⁽²⁹⁾. Tập quán chầu Minh Thánh vào dịp lễ cuối tuần của giáo dân ở nhiều xứ, họ đạo Công giáo vẫn được duy trì đến ngày nay.

Việc tôn sùng Thánh Thể được nâng lên thành nghi lễ trong *Tuần chầu lượt*. Đây là hình thức tôn sùng Thánh Thể tập thể của cộng đồng giáo dân trong xứ, họ đạo. Lễ chầu lượt là hằng năm đến lượt mình, các xứ, họ đạo thay mặt toàn địa phận chầu Minh Thánh một cách trọng thể. Lễ chầu lượt được tổ

chức vào ngày Chủ nhật. Như vậy, hầu như tất cả các Chủ nhật trong năm, ở mỗi địa phận đều có xứ, họ đạo chầu Minh Thánh một cách trọng thể. Hình thức này đã manh nha xuất hiện từ cuối thế kỉ XVIII. Thừa sai Eyot cho biết, vào ngày lễ Phục Sinh, nơi giữ Minh Thánh Chúa, vì đông người nên “người ta chia phần cho mỗi làng một giờ chầu; vì quá đông nên có lúc hai ba làng một giờ chầu. Họ tới nơi chầu vừa đi vừa hát những bài hát Thánh Thể”⁽³⁰⁾. Tuy nhiên, phải đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, dưới thời Giám mục P. J Gendreau (có tên Việt là Đông) địa phận Tây Đàng Ngoài mới có quy định cụ thể về tuần chầu lượt. Ngày 10/5/1894, vị giám mục này ra thư chung quy định việc chầu Minh Thánh vào ngày lễ Trái Tim Chúa Giêsu⁽³¹⁾. Ngày 8/9/1902, ông ra thư chung yêu cầu từ năm sau, hằng năm mỗi xứ đạo thay mặt toàn địa phận tổ chức lễ chầu Minh Thánh một cách trọng thể. Năm 1903, vị giám mục này lại có thư chung quy định cụ thể hơn về lễ chầu lượt⁽³²⁾. Từ đó, lễ Chầu lượt đã nhanh chóng đi vào tâm thức của người Công giáo với tấm lòng sùng kính Minh Thánh Chúa và trở thành một lễ hội lớn của xứ, họ đạo-làng Công giáo. Nó đã đi vào ca dao vùng Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ như sau:

Dù ai buôn đâu, bán đâu

28. Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 305.

29. Manuel Moreno, *Sử kí Địa phận Trung*, Sdd, 1916, tr. 25.

30. Trương Bá Cần, *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, sdd, tập I, tr. 492.

31. *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, Sdd, tr. 111.

32. *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, Sdd, tr. 375-376.

Nhớ ngày châu lượt rủ nhau mà về

Dù ai buồn bán trăm bề.

Nhớ ngày Châu lượt thì về thông công.

Đến ngày châu lượt, không chỉ giáo dân trong xứ, họ đạo mà giáo dân các xứ, họ đạo quanh vùng cũng đến “thông công”, tổ lòng sùng kính Minh Thánh Chúa. Lễ châu lượt có thể được tổ chức ba ngày. Chiều ngày thứ nhất diễn ra thánh lễ trang trọng. Buổi tối là đêm canh thức. Ngày thứ hai là ngày chính lễ, sáng lễ, chiều châu. Nếu xứ đạo có nhiều họ lễ thì các họ thay nhau châu Minh Thánh. Đêm thứ hai là đêm canh thức. Tuần châu lượt kết thúc vào ngày thứ ba. Buổi tối xứ đạo có thể có liên hoan văn nghệ, múa hát ngợi ca Chúa, ca ngợi Đức Bà Maria. Trong lễ châu lượt, xứ đạo có thể mời giám mục về làm lễ, ban phép thêm sức cho trẻ hoặc có thể cho trẻ em xưng tội, chịu lễ lần đầu⁽³³⁾. Như vậy, Châu lượt thực sự trở thành một lễ hội của xứ, họ đạo - làng Công giáo.

Kiêu Santi (kiệu Thánh Thể) là một nghi lễ trang trọng của giáo dân trong xứ, họ đạo hay một địa phận để tổ lòng kính trọng Minh Thánh Chúa. Năm 1905, Giám mục Địa phận Tây Đàng Ngoài P. J Gendreau (Đông) ra Thư chung lập Hội Santi ở các xứ, họ đạo trong toàn giáo phận để phụ trách kiệu Thánh Thể hàng năm. Kiệu Santi có Minh Thánh Thể để trong mặt nguyệt gò bằng đồng, do chủ tế (linh mục hoặc giám mục) cầm. Một phương du bốn cột, đỉnh làm bằng vải do bốn người cầm che trên đầu chủ tế. Kiệu Thánh Thể đi đến đâu giáo dân tung hoa chúc mừng đến đó. Suốt dọc đường giáo dân đọc Kinh cầu nguyện, còn ca đoàn, hội trống, kèn, trống, bát âm, v.v... ca hát

và chơi những bài nhạc ngợi ca Chúa Giêsu tạo nên không khí rất náo nhiệt. Đến các trạm để Thánh Thể (gọi là trạm Santi), cuộc rước dừng lại cho giáo dân cầu nguyện khoảng mười lăm, hai mươi phút, sau đó lại tiếp tục. Kết thúc tại nhà thờ để giáo dân tham dự thánh lễ⁽³⁴⁾. Ngoài ra, kiệu Thánh Thể còn được tổ chức trong phạm vi giáo phận. Năm 1937, Địa phận Hà Nội tổ chức cuộc rước kiệu Minh Thánh với quy mô lớn, rất long trọng, đoàn rước lễ còn kéo cả ra các phố đường công cộng⁽³⁵⁾.

Việc tôn sùng Thánh Thể còn được tổ chức thành đại hội Thánh Thể có quy mô quốc gia và quốc tế. Năm 1881, Đại hội Thánh Thể quốc tế lần thứ nhất được tổ chức tại Pháp. Năm 1927, Đại hội Thánh Thể toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Hà Nội. Trong các đại hội này, ngoài nghi lễ phụng tự, thánh lễ, rước kiệu, còn có các buổi thuyết trình, hội thảo thần học về Bí tích Thánh thể⁽³⁶⁾.

Bí tích Thánh Thể còn được cử hành trong các sự kiện quan trọng liên quan đến các tín đồ, như lễ gia nhập đạo của người lớn sau lễ Rửa tội, Thêm sức; lễ cưới cho các đôi tân hôn và lễ Xức dầu bệnh nhân trong lúc lâm chung, xem đó như của ăn đường cho các tín đồ khi về với Chúa.

Như vậy, Bí tích Thánh thể là nghi lễ bao trùm trong đời sống đạo của các tín hữu Công giáo. Nó không chỉ liên quan

33. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 166.

34. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Sdd, tr. 169-170.

35. Nguyễn Khắc Xuyên. *Lịch sử Địa phận Hà Nội* (1627-1954), Bản đánh máy, tr. 380.

36. Phan Tấn Thành. *Nhiệm vụ thánh hóa của Giáo hội - Giải thích Giáo luật quyền 4*, Rôma 1995, tr. 89.

mật thiết đến cuộc đời mỗi tín đồ mà còn có quan hệ chặt chẽ đến lối sống đạo của cộng đồng giáo dân.

3. Một vài nhận xét

Thông qua việc thực hành Bí tích Thánh Thể, lối sống đạo của giáo dân từng bước được hình thành và phát triển. Đó là thói quen, tập quán đọc Kinh cầu nguyện và tham gia sinh hoạt tôn giáo chung trong gia đình hay ở nhà thờ hàng ngày, tham dự thánh lễ nơi thờ tự vào các dịp cuối tuần, ngày lễ trọng, rước kiệu Mừng Thánh Chúa. Việc sinh hoạt tôn giáo chung đã hình thành nếp sống thông hiệp với nhau nhằm chia sẻ đời sống đạo, củng cố đức tin và cố kết cộng đồng cũng như tinh thần tương trợ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày. Điều đó, một mặt nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tâm linh tôn giáo của họ, mặt khác giúp họ đoàn kết với nhau, nâng đỡ nhau trong cuộc sống thường nhật.

Mặt khác, việc thực hành Bí tích Thánh Thể, nhất là qua việc xưng tội, chịu lễ, ăn năn, chuộc tội, tuân giữ những điều răn của Chúa và của Giáo hội đã hình thành nên nếp sống đạo đức đề cao tính trung thực (biết nhìn ra lỗi lầm của bản thân và sửa chữa), đức bác ái,

thảo kính cha mẹ, coi trọng tình huynh đệ, yêu thương con người, hướng thiện và sẵn sàng chia sẻ, tương trợ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Điều đó lý giải tại sao trong các vùng Công giáo hiện nay ít xảy ra các tệ nạn xã hội, trật tự xã hội ổn định, giáo dân có lối sống tuân thủ pháp luật cũng như phong trào bác ái, từ thiện xã hội phát triển khá tốt. Đây là mặt tích cực phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới cần được khuyến khích, phát huy. Thông qua việc thực hành Bí tích Thánh Thể, nhất là việc tham dự vào lễ Châu lượt, rước kiệu Santi đã góp phần đưa các loại hình sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật truyền thống dân tộc thâm nhập vào nghi lễ Công giáo, đồng thời đưa lối sống, nghi lễ Công giáo từng bước hội nhập vào nền văn hóa dân tộc.

Tóm lại, sống trong Bí tích Thánh Thể là một trong những nếp sống đạo cơ bản của người giáo dân Việt Nam. Nó không chỉ củng cố đức tin cho tín đồ mà còn góp phần hình thành lối sống, đạo đức mang tính nhân bản, nhân văn của người giáo dân. Những giá trị đạo đức, văn hóa đó góp phần làm giàu thêm tính nhân văn, nhân bản các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. /